**Tiết 2**

**Luyện từ và câu**

**LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nhận biết được đại từ trong câu, dựa vào tác dụng để chia đại từ thành các nhóm; nhận biết một số trường hợp danh từ được sử dụng để xưng hô (như đại từ).

- Biết sử dụng từ xưng hô phù hợp trong những tình huống giao tiếp cụ thể.

##### **2. Năng lực, phẩm chất**

##### **-** Phát triển NL giải quyết vấn đề và sáng tạo (thông qua việc giải các BT), NL giao tiếp và hợp tác (thông qua HĐ nhóm). Bồi dưỡng PC chăm chỉ (thông qua HĐ học tập).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Máy tính, máy chiếu; phiếu học tập cho HS.

- HS: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; *Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt 5* (NXB ĐHSP TPHCM) hoặc từ điển tiếng Việt; *Vở bài tập* *Tiếng Việt 5*, tập một hoặc vở viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |
| --- |
| **A. Hoạt động khởi động** |
| - Trò chơi: Hái táo (Hái táo vào rổ thích hợp với các nhóm đại từ)4- GV giới thiệu trò chơi, luật chơi, cách chơi và thời gian chơi.VD:  Là từ được người nói dùng để tự chỉ mình hay chỉ người khác khi giao tiếp: *tôi, chúng tôi; mày, chúng mày; nó, chúng nó;…*+ Đại từ xưng hô để thể hiện rõ thứ bậc, tuổi tác, giới tính: *ông, bà, anh, chị, em, cháu, thầy bạn, …*- GV nhận xét, tuyên dương.+ Đại từ là gì?- GV nhận xét, nhắc lại và khắc sâu kiến thức đã học.- GV giới thiệu bài: Trong trò chơi vừa rồi, chúng ta đã cùng nhau ôn lại về đại từ. Vậy đại từ có những từ loại nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong tiết học hôm nay. - GV ghi bảng: **Luyện tập về đại từ.** | - Học sinh chơi trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.- HS nhận xét, bổ sung (nếu có).- HS bình chọn nhóm thắng cuộc.- HS lắng nghe- HS nhắc lại khái niệm đại từ: Đại từ là những từ dùng để xưng hô hay để thay thế danh từ, động từ, tính từ, cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ, trong câu cho khỏi lặp lại những từ ngữ ấy. - HS lắng nghe và ghi nhớ.- HS lắng nghe- HS đọc tên bài nối tiếp. |
| **B. Hoạt động thực hành luyện tập** |
| **Hoạt động 1: (Bài tập 1) Xếp các đại từ xưng hô vào nhóm phù hợp**- Giáo viên cho học sinh đọc yêu cầu bài tập 1.- GV cho học sinh làm việc nhóm đôi để tìm ra các đại từ với các từ đã cho trong bài tập. - GV nhận xét; tuyên dương.-Trò chơi: **Thỏ về hang** (mỗi chú thỏ là một đại từ còn hang là nhóm phù hợp)+ Từ chỉ người nói+ Từ chỉ người nghe+ Từ chỉ cả người nói và người nghe+ Từ chỉ người, vật được nhắc tới- GV nhận xét, tuyên dương. Cho HS đọc lại ý đúng.+ Rút ra nội dung bài.**Hoạt động 2 (Bài tập 2): Tìm hiểu tác dụng** **của danh từ in đậm trong câu:** - Giáo viên cho học sinh đọc yêu cầu bài tập 2.- GV cho học sinh làm việc nhóm 4, làm BT trên phiếu học tập. Sắp xếp để vài nhóm làm vào phiếu khổ lớn.- GV nhận xét, tuyên dương.- Giáo viên chốt lại kết quả đúng. GV nói thêm: Người Việt Nam thường sử dụng các từ chỉ quan hệ gia đình, quan hệ thân thuộc (như *bố*, *con*, *chú*, *cháu*, *chị*, *em*,...), các từ chỉ một số chức vụ (*chủ tịch*, *giám đốc*, *bộ trưởng*,...),... hoặc nghề nghiệp (*thầy*, *cô*, *bác sĩ*,...) làm từ xưng hô để thể hiện tình cảm thân mật hoặc thái độ tôn trọng. Vì vậy số lượng từ xưng hô trong tiếng Việt rất lớn. Điều này khác với nhiều ngôn ngữ (như tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, ...) chỉ có từ 6 đến 8 từ xưng hô và đều là đại từ. | - HS đọc yêu cầu- HS thảo luận nhóm+trẫm+Khanh+các khanh+ta+chúng- HS nhận xét, bổ sung.- HS lắng nghe- HS lắng nghe luật chơi, cách chơi và thời gian chơi (Chia làm 2 đôi, mỗi đội có 4 thành viên, cả lớp cổ vũ)+ Từ chỉ người nói: trẫm+ Từ chỉ người nghe: khanh, các khanh.+ Từ chỉ cả người nói và người nghe: ta.+ Từ chỉ người, vật được nhắc tới: chúng.- HS nhận xét, bổ sung- Bình chọn đội thắng cuộc- HS lắng nghe- HS đọc yêu cầu- HS thảo luận nhóm- HS báo cáo kết quả (các nhóm làm trên phiếu khổ lớn sẽ dán bài lên bảng).+ Đoạn văn a có các danh từ *cháu*, *bác* vốn chỉ quan hệ họ hàng; trong tình huống này không chỉ quan hệ họ hàng mà được dùng để xưng hô như đại từ. Cụ thể: Trong câu “Cháu chào bác ạ.”, từ *cháu* chỉ người nói, từ *bác* chỉ người nghe. Trong câu “Cháu đi học à?”, từ *cháu* chỉ người nghe.Trong câu “Thưa bác, vâng ạ.”, từ *bác* chỉ người nghe.+ Đoạn văn b có danh từ *bác sĩ* vốn chỉ nghề nghiệp, được dùng để xưng hô như đại từ (chỉ người nghe); danh từ *cháu* vốn chỉ quan hệ họ hàng, được dùng để xưng hô như đại từ (chỉ người nói hoặc người nghe).+ Đoạn văn c có các danh từ *con*, *bố* vốn chỉ quan hệ gia đình, ở đây được dùng để xưng hô như đại từ (chỉ người nói hoặc người nghe).- Lớp nhận xét, bổ sung.- HS lắng nghe  |
| **C. Hoạt động vận dụng** |
| **Hoạt động 3: Bài tập 3** - Thảo luận nhóm 4 thực hiện bài tập 3, tiến hành “Đóng vai” - GV nhận xét, GV giáo dục thêm HS về cách ứng xử sao cho phù hợp, bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm cho các em.**4. Củng cố - dặn dò:**- Bài học hôm nay giúp các em biết thêm điều gì? - GV nhận xét, tuyên dương - Học sinh về nhà áp dụng các xưng hô sao cho phù hợp. | - HS đọc yêu cầu của bài 3 và thảo luận theo nhóm+ Nêu một số hiện tượng xưng hô chưa phù hợp.+ Nếu bạn xưng hô chưa đúng, em sẽ làm gì? (đóng vai).- Các nhóm lần lượt trình bày và tiến hành đóng vai xử lý tình huống đưa ra.VD về hiện tượng xưng hô chưa phù hợp mà em biết: bạn bè xưng hô với nhau ở trường, lớp: *tao* – *mày*; nói về bạn: *thằng*, *con*, … Nhận xét về cách xưng hô đó (không chuẩn mực, thiếu lịch sự, …).+ Thể hiện đúng cách ứng xử phù hợp của bản thân (VD: đưa ra lời khuyên phù hợp với bạn, góp ý cho bạn, nếu cần có thể phê bình / trách bạn một cách nhẹ nhàng, …).- HS khác nhận xét, bổ sung- HS lắng nghe- HS chia sẻ cảm nghĩ cá nhân- HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** *(nếu có)*

....................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_